TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2023/DS-PT
Ngày 13/7/2023
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lâm Anh Luyện.

Các Thẩm phán: Bà Hoàng Thị Vân

Ông Hoàng Đức Trường

- Thư ký phiên toà: Bà Thiều Thị Minh Huyền – Thư ký viên Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Dân- Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 07 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2023/TLPT-DS ngày 04/5/2023 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất ". Do bản án sơ thẩm số: 01/2023/DS-ST ngày 28/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện MV, tỉnh Hà Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2023/QĐ-PT ngày 04/07 /2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Vầy Văn T, sinh năm 1966. Địa chỉ: Trú tại thôn HC, xã ST, huyện MV, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Cao Xuân B địa chỉ: Số nhà 06, ngõ 258, đường L, Tổ 1, phường TP, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

2. Bị đơn:

+ Anh Chảo Tà B, sinh năm 1987. Địa chỉ: Trú tại thôn U, xã S, huyện MV, tỉnh Hà Giang. Có mặt

+ Anh Chảo Văn T1, sinh năm 1990. Địa chỉ: Trú tại thôn U, xã S, huyện MV, tỉnh Hà Giang. Có mặt

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Vi Á T2, sinh năm 1991. Địa chỉ: Trú tại thôn NT, xã NB, huyện MV, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

+ Bà Lù Thị N, sinh năm 1968. Địa chỉ: Trú tại thôn HC, xã ST, huyện MV, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt

4. Những người làm chứng:

+ Tẩn Tà S1, sinh năm 1974. Địa chỉ: Trú tại thôn U, xã S, huyện MV, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt

+ Vầy A C, sinh năm 1963. Địa chỉ: Trú tại thôn NT, xã NB, huyện MV, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt.

+ Vàng Văn P, sinh năm 1980. Địa chỉ: Trú tại thôn NT, xã NB, huyện MV, tỉnh Hà Giang. Văng mặt.

5. Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Vầy Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại các biên bản lấy lời khai nguyên đơn ông Vầy Văn T trình bày:

Năm 1997 UBND xã NB, huyện MV, tỉnh Hà Giang tiến hành giao đất, giao rừng cho từng hộ gia đình trong xã để quản lý và bảo vệ. Trong đó hộ gia đình nhà ông T được giao khoán diện tích đất rừng phòng hộ có địa chỉ tại thôn NT, xã NB, huyện MV, tỉnh Hà Giang tiếp giáp với thôn U, xã S, huyện MV, tỉnh Hà Giang. Đến năm 1998 ông Chảo Tà H là bố đẻ của anh Chảo Văn T1 và Chảo Tà B đến tranh chấp, lấn chiếm. Sau khi sự việc xảy ra UBND xã S và xã NB đã tiến hành giải quyết nhiều lần nhưng không thành. Tuy nhiên, hàng năm gia đình ông được nhà nước hỗ trợ gạo và tiền về việc quản lý, bảo vệ đất rừng phòng hộ. Năm 2003 gia đình ông chuyển nhà từ thôn NT, xã NB, huyện MV, tỉnh Hà Giang ra cư trú tại thôn HC, xã ST, huyện MV, tỉnh Hà Giang, khi chuyển nhà gia đình ông nhờ anh T2 là ông Vầy Á P quản lí giúp diện tích đất rừng phòng hộ. Đến năm 2013 UBND huyện MV, tỉnh Hà Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B0 099710 ngày 01/8/2013 cho hộ gia đình ông Vầy Văn T. Năm 2014 sau khi ông Vầy Á Pao chết, ông Vầy Văn T có nhờ con T2 của ông Vầy Á P là anh Vi Á T2 (cháu ông Vầy Văn T) quản lý toàn bộ diện tích đất rừng phòng hộ. Trong quá trình anh Vi Á T2 quản lý và sử dụng diện tích đất rừng phòng hộ, thì anh Chảo Tà B và anh Chảo Văn T1 có hành vi lấn chiếm, khai thác ruộng bậc thang. Nay ông Vầy Văn T yêu cầu giải quyết buộc anh Chảo Tà B và anh Chảo Văn T1 dừng việc lấn chiếm, sử dụng trái phép diện tích đất được cấp cho hộ gia đình ông và trả lại diện tích theo đúng hiện trạng ban đầu cho hộ gia đình ông.

Tại các Biên bản lấy lời khai của đương sự, bị đơn anh Chảo Tà B và anh Chảo Văn T1 trình bày:

Diện tích đất đang tranh chấp giữa anh Chảo Tà B, anh Chảo Văn T1 và ông Vầy Văn T có địa chỉ tại thôn U, xã Sủng Máng, huyện MV, tỉnh Hà Giang. Diện tích đất đang tranh chấp được bố mẹ anh B anh T1 sử dụng khai thác từ trước, đến năm 2011 khi bố (*ông Chảo Tà Hồng*) chết, anh T1 và anh B chia đất

tiếp tục sử dụng canh tác. Hiện trạng thửa đất từ trước đến nay là do bố của các anh khai thác, anh B và anh T1 không mở rộng thêm. Nay ông Vầy Văn T khởi kiện yêu cầu trả lại đất, anh B và anh T1 không nhất trí.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lù Thị N trình bày: Gia đình bà được cấp sổ lâm bạ năm 1997 đến năm 2013 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Thời điểm năm 1997 là đất trống đồi trọc, sau đó ông Chảo Tả H đến lấn chiếm, năm 2001 - 2002 UBND xã NB và UBND xã S đã cử người đến giải quyết nhưng ông Hồng không nhất trí.

Tại biên bản lấy lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Vi Á T2 trình bày: Hiện nay anh Vi Á T2 đang là người trực tiếp quản lý, bảo vệ diện tích đất rừng phòng hộ được cấp cho gia đình ông Vầy Văn T, trong đó có diện tích đất đang tranh chấp giữa ông T và anh B, T1. Việc tranh chấp xảy ra vào thời gian nào anh T2 không được biết, đến năm 2014 sau khi bố anh chết, anh được ông Vầy Văn T nhờ trông giúp toàn bộ diện tích đất được cấp cho ông Vầy Văn T. Trong quá trình anh T2 quản lý, anh B và anh T1 có hành vi lấn chiếm, sử dụng trái phép diện tích đất đang tranh chấp để làm nương trồng lúa nước. Sau khi sự biết sự việc, anh T2 đã báo lên xã NB, huyện MV để giải quyết. Nay anh Vi Á T2 yêu cầu anh Chảo Tà B và anh Chảo Văn T1 dừng hành vi lấn chiếm, sử dụng trái phép và trả lại hiện trạng ban đầu đối với diện tích đất được cấp cho hộ gia đình ông Vầy Văn T.

Ngày 29/7/2022, Tòa án nhân dân huyện MV, tỉnh Hà Giang tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với diện tích đất có tranh chấp tại thôn NT, xã NB, huyện MV, tỉnh Hà Giang. Kết quả xác định:

- Ranh giới giữa ông Vầy Văn T và anh Chảo Văn T1 xác định thể hiện từ T1 đến T29 khép về T1 có tổng diện tích là 6542,0m^2: Trong đó phần nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Vầy Văn T gồm 2 vị trí: Vị trí thứ nhất: diện tích 2.675,2m^2 được giới hạn bởi các điểm từ T7 đến T23 khép về T7; vị trí thứ 2 diện tích 127,4m^2 được giới hạn bởi các điểm từ T1 đến T2 kéo sang T28 đến T29 khép về T1. Phần nằm ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông Vầy Văn T diện tích là 3.739,4m^2 được xác định từ điểm T2 đến T7 kéo đến T23 đến T28 khép về T2.

- Ranh giới ông Vầy Văn T và ông Chảo Tà B xác định có tổng diện tích 5073,8m^2 trong đó được thể hiện ở vị trí 03 có diện tích là 1484,7m^2 được giới hạn bởi các điểm từ B1 đến B10 và T10 về T7 khép về B1; vị trí số 04 diện tích 3589,1m^2 được giới hạn bởi các điểm từ B11, B24 và T20 kéo về T10 khép về B11.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 9/6/2023 ông T xác định yêu cầu khởi kiện đối với ông B, ông T1 phải trả lại phần diện tích đất đang nằm trong GCNQSDĐ của ông T được cấp, buộc ông Chảo Tà B trả lại diện tích 5073,8m^2; buộc ông T1 phải trả diện tích là 1484,7m^2 + 3589,1m^2.

Bản án số 01/2023/DSST ngày 28/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện MV, tỉnh Hà Giang đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 143; Điều 144; Điều 147; Điều 158; Điều 203; Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 50; Điều 76; Điều 136 Luật đất đai 2003;

Căn cứ Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vầy Văn T về việc buộc bị đơn anh Chảo Tà B và anh Chảo Văn T1 chấm dứt hành vi lấn chiếm, sử dụng trái phép diện tích đất được cấp cho hộ gia đình ông Vầy Văn T và trả lại tòa bộ diện tích đất đang tranh chấp theo đúng hiện trạng ban đầu tại thửa đất số 111, tờ bản đồ số 01, bản đồ địa chính xã NB, huyện MV, tỉnh Hà Giang.

2. Về chi phí tố tụng và án phí dân sự sơ thẩm:

Yêu cầu khởi kiện của ông Vầy Văn T không được chấp nhận nên ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 300.000 đồng. Được khấu trừ vào số tiền ông T đã nộp tiền tạm ứng án phí 5.000.000 đồng. Hoàn trả lại cho ông Vầy Văn T số tiền 4.700.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006478 ngày 07/6/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện MV, tỉnh Hà Giang. Ông T phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ số tiền đã nộp 2.600.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án, điều kiện thi hành án và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 06/4/2023 nguyên đơn kháng cáo ông Vầy Văn T toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu hủy bản án sơ thẩm số 01/2023/DSST ngày 28/3/2023 của TAND huyện MV với lý do cấp sơ thẩm vi phạm về thẩm quyền xem xét quyết định hành chính, hành vi hành chính của UBND cấp huyện (tại phần nhận định của bản án) và vi phạm nghiêm trọng về việc đánh giá chứng cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm người kháng cáo nguyên đơn ông Vầy Văn T và các bị đơn anh Chảo Tả B, anh Chảo Văn T1 thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, cụ thể: Nguyên đơn ông Vầy Văn T nhất trí anh Chảo Tà B được quyền quản lý, sử dụng đất đối với phần diện tích đất đang sử dụng đúng với vị trí, ranh giới đo đạc tại buổi xem xét thẩm định tại chỗ với tổng diện tích là 5.073,8m^2 tại các vị trí 01; 02; 03 có diện tích là 1.484,7m^2 thể hiện tại các điểm từ B1 đến B10 và T10 về T7 khép về B1 và vị trí số 04 thể hiện tại các điểm từ B11, B24 và T20 kéo về T10 khép về B11)). Bị đơn anh Chảo Văn T1 được quyền quản lý, sử dụng đất đối với phần diện tích đất đang sử dụng đúng với vị trí, ranh giới đo đạc tại buổi xem xét thẩm định tại chỗ với tổng diện tích là 2.802,6m^2 (Trong đó: Vị trí thứ nhất có diện tích 2.675,2m^2 được giới hạn bởi các điểm từ T7 đến T23 khép về T7; Vị trí thứ 2 có diện tích 127,4m^2 được giới hạn bởi các điểm từ T1 đến T2 kéo sang T28 đến T29 khép về T1. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật ông T sẽ có trách nhiệm điều chỉnh GCNQSDĐ theo quy định đối với GCNQSDĐ số B0 099710 do UBND huyện MV, tỉnh Hà Giang cấp ngày 01/8/2013. Về chi phí đo đạc, nguyên đơn ông Vầy Văn T nhất

trí chịu ½ chi phí tố tụng là 1.300.000 đồng, bị đơn anh Chảo Tả B T nhất trí chịu ¼ chi phí tố tụng là 650.000 đồng, bị đơn anh Chảo Văn T1 nhất trí chịu ¼ chi phí tố tụng là 650.000 đồng.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Vầy Văn T có ý kiến: Theo đơn kháng cáo nguyên đơn ông T đề nghị huỷ bản án sơ thẩm, tuy nhiên tại phiên toà nguyên đơn và bị đơn đã thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, việc thoả thuận của các đương sự là tự nguyện, không trái pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể: Bị đơn anh Chảo Tà B được quyền quản lý, sử dụng đất đối với phần diện tích đất đang sử dụng đúng với vị trí, ranh giới đo đạc tại buổi xem xét thẩm định tại chỗ với tổng diện tích là 5.073,8m^2, bị đơn anh Chảo Văn T1 được quyền quản lý, sử dụng đất đối với phần diện tích đất đang sử dụng đúng với vị trí, ranh giới đo đạc tại buổi xem xét thẩm định tại chỗ với tổng diện tích là 2.802,6m^2. Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn ông Vầy Văn T nhất trí chịu chi phí tố tụng là 1.300.000 đồng, bị đơn anh Chảo Tả B chịu chi phí tố tụng là 650.000 đồng, bị đơn anh Chảo Văn T1 chịu chi phí tố tụng là 650.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Vầy Văn T về việc hủy Bản án số 01/2023/DS-ST ngày 28/3/2023 của TAND huyện MV, tỉnh Hà Giang. Tuy nhiên, tại phiên toà phúc thẩm các đương sự đã thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, việc thoả thuận của các đương sự là tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 3 Điều 148, Điều 300; khoản 2 Điều 308; Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự sửa Bản án sơ thẩm số: 01/2023/DSST ngày 28/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện MV, tỉnh Hà Giang theo hướng công nhận sự thoả thuận của các đương sự như sau:

Bị đơn anh Chảo Tà B được quyền quản lý, sử dụng đất đối với phần diện tích đất đang sử dụng đúng với vị trí, ranh giới đo đạc tại buổi xem xét thẩm định tại chỗ với tổng diện tích là 5.073,8m^2 (Trong đó được thể hiện ở vị trí số 01; 02; 03 có diện tích là 1.484,7m^2 được giới hạn bởi các điểm từ B1 đến B10 và T10 về T7 khép về B1; vị trí số 04 diện tích 3.589,1m^2 được giới hạn bởi các điểm từ B11, B24 và T20 kéo về T10 khép về B11).

Bị đơn anh Chảo Văn T1 được quyền quản lý, sử dụng đất đối với phần diện tích đất đang sử dụng đúng với vị trí, ranh giới đo đạc tại buổi xem xét thẩm định tại chỗ với tổng diện tích là 2.802,6m^2 (Trong đó: Vị trí thứ nhất có diện tích 2.675,2m^2 được giới hạn bởi các điểm từ T7 đến T23 khép về T7; Vị trí thứ 2 có diện tích 127,4m^2 được giới hạn bởi các điểm từ T1 đến T2 kéo sang T28 đến T29 khép về T1).

Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn ông Vầy Văn T nhất trí chịu chi phí tố tụng là 1.300.000 đồng, bị đơn anh Chảo Tả B T chịu chi phí tố tụng là 650.000 đồng, bị đơn anh Chảo Văn T1 chịu chi phí tố tụng là 650.000 đồng.

Về án phí: Các đương sự chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, ý kiến, tranh luận của các bên đương sự, quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn ông Vầy Văn T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết "tranh chấp quyền sử dụng đất" đối với anh Chảo Tà B và anh Chảo Văn T1 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện MV, tỉnh Hà Giang theo quy điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Trong thời hạn luật định nguyên đơn ông Vầy Văn T nộp đơn kháng cáo và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đúng theo quy định tại các Điều 272, Điều 273 và Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được chấp nhận để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[3] Tại phiên toà phúc thẩm các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án cụ thể như sau: Nguyên đơn ông Vầy Văn T nhất trí anh Chảo Tà B được quyền quản lý, sử dụng đất đối với phần diện tích đất đang sử dụng đúng với vị trí, ranh giới đo đạc tại buổi xem xét thẩm định tại chỗ với tổng diện tích là 5.073,8m^2 tại các vị trí 01; 02; 03 có diện tích là 1.484,7m^2 thể hiện tại các điểm từ B1 đến B10 và T10 về T7 khép về B1 và vị trí số 04 thể hiện tại các điểm từ B11, B24 và T20 kéo về T10 khép về B11. Bị đơn anh Chảo Văn T1 được quyền quản lý, sử dụng đất đối với phần diện tích đất đang sử dụng đúng với vị trí, ranh giới đo đạc tại buổi xem xét thẩm định tại chỗ với tổng diện tích là 2.802,6m^2 (Trong đó: Vị trí thứ nhất có diện tích 2.675,2m^2 được giới hạn bởi các điểm từ T7 đến T23 khép về T7; Vị trí thứ 2 có diện tích 127,4m^2 được giới hạn bởi các điểm từ T1 đến T2 kéo sang T28 đến T29 khép về T1). Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật ông T sẽ có trách nhiệm điều chỉnh GCNQSDĐ theo quy định đối với GCNQSDĐ số B0 099710 do UBND huyện MV, tỉnh Hà Giang cấp ngày 01/8/2013. Về chi phí đo đạc là 2.600.000đ nguyên đơn ông Vầy Văn T nhất trí chịu ½ chi phí tố tụng là 1.300.000 đồng, bị đơn anh Chảo Tả B T nhất trí chịu ¼ chi phí tố tụng là 650.000 đồng, bị đơn anh Chảo Văn T1 nhất trí chịu ¼ chi phí tố tụng là 650.000 đồng.

[4] Xét thấy việc thoả thuận của các đương sự tại phiên toà phúc thẩm là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội cần được công nhận.

[5] Đối với ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn và ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang tại phiên toà là có căn cứ chấp nhận.

[6] Về chi phí tố tụng: Ông Vầy Văn T chịu ½ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 1.300.000 đồng. Bị đơn anh Chảo Tả B chịu ¼ chi phí tố tụng là 650.000 đồng, bị đơn anh Chảo Văn T1 chịu ¼ chi phí tố tụng là 650.000 đồng.

Do nguyên đơn ông T đã nộp tạm ứng trước, vì vậy anh B và anh T1 mỗi người trả cho ông T số tiền 650.000 đồng.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Vầy Văn T chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

[8] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Vầy Văn T chịu toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 148, Điều 300; khoản 2 Điều 308; Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTV QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2023/DSST ngày 28/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện MV, tỉnh Hà Giang.

Căn cứ vào Điều 5; khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 158 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 6 Điều 73; Điều 79; khoản 3 Điều 38 Luật đất đai năm 1993; khoản 5 Điều 166, Điều 170; khoản 1 Điều 203 Luật đất đai năm 2013; khoản 2 Điều 26; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Công nhận sự thỏa thuận giữa nguyên đơn ông Vầy Văn T và các bị đơn anh Chảo Tà B, anh Chảo Văn T1 như sau:

Bị đơn anh Chảo Tà B được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 5.073,8m^2 (Trong đó được thể hiện ở vị trí số 01; 02; 03 có diện tích là 1.484,7m^2 được giới hạn bởi các điểm từ B1 đến B10 và T10 về T7 khép về B1; vị trí số 04 diện tích 3.589,1m^2 được giới hạn bởi các điểm từ B11, B24 và T20 kéo về T10 khép về B11), địa chỉ đất: Xóm NT, xã NB, huyện MV, tỉnh Hà Giang (*Mảnh trích đo địa chính số 01-2023 hệ tọa độ VN 2000, khu vực thôn NT, xã NB, huyện MV tờ bản đồ số 39 ngày 23/3/2023 kèm theo*).

Bị đơn anh Chảo Văn T1 được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 2.802,6m^2 (Trong đó: Vị trí thứ nhất có diện tích 2.675,2m^2 được giới hạn bởi các điểm từ T7 đến T23 khép về T7; Vị trí thứ 2 có diện tích 127,4m^2 được giới hạn bởi các điểm từ T1 đến T2 kéo sang T28 đến T29 khép về T1), địa chỉ đất: Xóm NT, xã NB, huyện MV, tỉnh Hà Giang (*Mảnh trích đo địa chính số 01-2023 hệ tọa độ VN 2000, khu vực thôn NT, xã NB, huyện MV tờ bản đồ số 39 ngày 23/3/2023 kèm theo*).

Anh Chảo Tà B và anh Chảo Văn T1 có quyền đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký quyền sử dụng đất đối với diện tích đất được quyền quản lý, sử dụng nêu trên theo quy định của pháp luật.

Ông Vầy Văn T có trách nhiệm liên hệ với cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh diện tích đất tại GCNQSDĐ số B0 099710 do UBND huyện MV, tỉnh Hà Giang cấp ngày 01/8/2013.

- Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn ông Vầy Văn T chịu chi phí tố tụng là 1.300.000 đồng, bị đơn anh Chảo Tả B chịu chi phí tố tụng là 650.000 đồng, bị đơn anh Chảo Văn T1 chịu chi phí tố tụng là 650.000 đồng. Do nguyên đơn ông T đã nộp tạm ứng trước, vì vậy anh B và anh T1 mỗi người phải trả cho ông T số tiền 650.000 đồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Vầy Văn T tự nguyện chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 5.000.000 đồng đã nộp. Trả lại cho ông Vầy Văn T số tiền 4.700.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006478 ngày 07/6/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện MV, tỉnh Hà Giang.

3. Về án phí phúc thẩm: Ông Vầy Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0006209 ngày 06/04/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện MV, tỉnh Hà Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND H. MV;
- Chi cục THADS H. MV;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ VA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lâm Anh Luyện

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ		THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Hoàng Đức Trường	**Hoàng Thị Vân**	**Lâm Anh Luyện**